TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 19 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hứa Thị T**. Sinh năm 1977. Nơi cư trú: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Lai Châu.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T.** Sinh năm 1976. Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hứa Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị T và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Hứa Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn T1 sinh ngày 19/02/1994, con khỏe mạnh, phát triển bình thường, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Hứa Thị T và anh Nguyễn Văn T không có tài

sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Hứa Thị T và anh Nguyễn Văn T không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Hứa Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 08632 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã V;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Thị Thúy